

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 3 - Câu 1

Câu 1. Viết vào ô trống (theo mẫu)

| Viết | Đọc | Tử số | Mẫu số |
|--------|------------------------|-------|--------|
| 75/100 | Bảy mươi lăm phần trăm | 75 | 100 |
| 4/11 | | | |
| 63/25 | | | |
| 80/100 | | | |
| 95/100 | | | |

Phương pháp giải:

- a) Cách đọc phân số: đọc tử số rồi đọc "phần" sau đó đọc mẫu số.
- b) Tử số là số tự nhiên viết trên gạch ngang. Mẫu số là số tự nhiên khác 0 viết dưới gạch ngang

Đáp án

| Viết | Đọc | Tử số | Mẫu số |
|--------|--------------------------|-------|--------|
| 75/100 | Bảy mươi lăm phần trăm | 75 | 100 |
| 4/11 | Bốn phần mười một | 4 | 11 |
| 63/25 | Sáu mươi ba phần hai lăm | 63 | 25 |

| | | | |
|--------|-------------------------|----|-----|
| 80/100 | Tám mươi phần trăm | 80 | 100 |
| 90/100 | Chín mươi lăm phần trăm | 95 | 100 |

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 3 - Câu 2

Viết thương dưới dạng phân số (theo mẫu)

$$3 : 7 = 3/7$$

$$4 : 9 = \dots\dots\dots$$

$$23 : 6 = \dots\dots\dots$$

$$25 : 100 = \dots\dots\dots$$

$$100 : 33 = \dots\dots\dots$$

$$10 : 31 = \dots\dots\dots$$

Phương pháp giải:

Thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số, tử số là số bị chia và mẫu số là số chia.

Đáp án

$$3 : 7 = \frac{3}{7};$$

$$4 : 9 = \frac{4}{9}$$

$$23 : 6 = \frac{23}{6}$$

$$25 : 100 = \frac{25}{100}$$

$$100 : 33 = \frac{100}{33}$$

$$10 : 31 = \frac{10}{31}$$

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 3 - Câu 3

Viết số tự nhiên dưới dạng phân số (theo mẫu)

$$19 = 19/1$$

$$25 = \dots\dots\dots;$$

$$120 = \dots\dots\dots;$$

$$300 = \dots\dots\dots$$

Phương pháp giải:

Mọi số tự nhiên có thể viết thành một phân số có tử số là số tự nhiên đó và mẫu số là 1.

Đáp án

$$19 = \frac{19}{1}$$

$$25 = \frac{25}{1}$$

$$120 = \frac{120}{1}$$

$$300 = \frac{300}{1}$$

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 3 - Câu 4

Viết số thích hợp vào ô trống

a) $1 = \frac{2}{\square}$;

b) $0 = \frac{\square}{9}$.

Phương pháp giải:

Số 1 có thể viết thành phân số có tử số và mẫu số bằng nhau và khác 0.

Đáp án

a) $1 = \frac{2}{2}$

b) $0 = \frac{0}{9}$